TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04/2019/QĐST-KDTM V/v: *"Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng"*	*Phủ Lý, ngày 10 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2019, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 05 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* ***Ngân hàng thương mại cổ phần A (ABank)***.

Địa chỉ trụ sở: Số 170, đường H, phường Đ, quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh Q; chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (theo Giấy ủy quyền số 28/UQ-HĐQT.18 ngày 04/05/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP A).

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1986; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ xấu - Ngân hàng TMCP A (theo Giấy ủy quyền số 44/UQ-TGĐ.19 ngày 28/02/2019 của Phó TGĐ Ngân hàng TMCP A).

** Bị đơn:*

- Ông ***Đinh Hữu T***, sinh năm 1973.
- Bà ***Hoàng Thị V***, sinh năm 1975.

Đều có HKTT: Tổ M, phường K, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Cùng ở địa chỉ: Tổ 2, khu C, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về giao kết hợp đồng:

* Các đương sự thống nhất, xác nhận Ngân hàng TMCP A (ABank) và ông Đinh Hữu T, bà Hoàng Thị V có ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 287/15/TD/XVI.1 ngày 10/12/2015: Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng chẵn*); mục đích vay: Vay mua ôtô tải phục vụ kinh doanh; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất vay: Trong hạn là 8.5%/năm, quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Căn cứ hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 287/15/TD/XVI.1 ngày 10/12/2015, ABank đã giải ngân cho ông T, bà V theo Giấy nhận nợ ngày 10/12/2015 số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng chẵn*); lãi suất trong hạn: 8.5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5759/16/TD-TT/XVI.1 ngày 14/12/2016: Số tiền vay: 1.560.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*); mục đích vay: Vay bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng; thời hạn vay: Được ghi trên giấy nhận nợ, không quá 06 tháng; lãi suất vay: Lãi suất trong hạn và quá hạn được quy định trong từng giấy nhận nợ.

Căn cứ hợp đồng tín dụng hạn mức số 5759/16/TD-TT/XVI.1 ngày 14/12/2016, ABank đã giải ngân cho ông T, bà V theo các Giấy nhận nợ sau:

+ Giấy nhận nợ ngày 09/6/2017 số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng chẵn*); lãi suất trong hạn: 10.1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Giấy nhận nợ ngày 13/6/2017 số tiền 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng chẵn*); lãi suất trong hạn: 11.1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Giấy nhận nợ ngày 14/6/2017 số tiền 350.000.000 đồng (*ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn*); lãi suất trong hạn: 11.1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Giấy nhận nợ ngày 16/6/2017 số tiền 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng chẵn*); lãi suất trong hạn: 11.1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Giấy nhận nợ ngày 17/6/2017 số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng chẵn*); lãi suất trong hạn: 11.1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Giấy nhận nợ ngày 19/6/2017 số tiền 210.000.000 đồng (*hai trăm mười triệu đồng chẵn*); lãi suất trong hạn: 11.1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

* Để bảo đảm cho các khoản vay của mình, ngày 10/12/2015 ông T và bà V đã ký với ABank các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp số công chứng: 1690, quyển số: 03/2015 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng K, tỉnh Hưng Yên; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/12/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đ; tài sản thế chấp là: "*01 xe ôtô tải tự đổ nhãn hiệu CNHTC, sản xuất năm 2015, số khung: XSAOFN 085231, số máy: 151007014547, biển kiểm soát 90C-042…, màu xanh theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 005347, do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Hà Nam cấp ngày 08/12/2015 cho bà Hoàng Thị V*".

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công

chứng: 914a, quyển số: 03 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số N, tỉnh Hà Nam ngày 30/06/2015; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/06/2015 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Phủ Lý; tài sản thế chấp là: "*Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu C, xã L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Thuộc thửa đất số 208, tờ bản đồ số PL6, diện tích: 77.5m^2, mục đích đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài. Tài sản gắn liền với đất: nhà ở dân dụng, diện tích xây dựng tầng 1: 77.5m^2, tổng diện tích sàn 243m^2, kết cấu mái BTCT toàn khối đổ tại chỗ, số tầng 03. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 348774, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00006 do UBND thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam cấp ngày 11/02/2010 cho bà Hoàng Thị V và Giấy phép xây dựng số 116/GPXD do UBND thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam cấp ngày 31/03/2011 cho bà Hoàng Thị V".*

2.2. Về việc thực hiện trả nợ tiền vay theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 287/15/TD/XVI.1 ngày 10/12/2015: Tính đến 02/7/2019, ông T và bà V và đã thanh toán số tiền là 654.711.904 đồng. Trong đó: Gốc là 501.000.000 đồng; lãi là 153.711.904 đồng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5759/16/TD-TT/XVI.1 ngày 14/12/2016: Tính đến 02/7/2019, ông T và bà V đã thanh toán tổng số tiền là 170.077.039 đồng. Trong đó: Gốc là 119.760.769 đồng; lãi là 50.316.270 đồng.

- Tính đến ngày 02/7/2019, tổng dư nợ gốc và lãi của cả hai hợp đồng là 2.435.162.148 đồng (*hai tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu một trăm sáu mươi hai nghìn một trăm bốn tám đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc: 1.939.239.231 đồng (*một tỷ chín trăm ba mươi chín triệu hai trăm ba mươi chín nghìn hai trăm ba mươi mốt đồng*).

+ Nợ lãi: 495.922.917 đồng (*bốn trăm chín mươi lăm triệu chín trăm hai mươi hai nghìn chín trăm mười bảy đồng*), trong đó: Lãi trong hạn là 97.645.597 đồng; nợ lãi quá hạn là 398.277.320 đồng.

2.3. Về phương thức thanh toán và thời hạn trả nợ tiền vay các đương sự thống nhất như sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 287/15/TD/XVI.1 ngày 10/12/2015, các đương sự thỏa thuận, thống nhất: Trong thời hạn 02 (*hai*) tháng kể từ ngày 02/7/2019, ông T và bà V có trách nhiệm tự xử lý chiếc xe ôtô tự đổ nhãn hiệu CNHTC, BKS: 90C- 042... để trả toàn bộ số nợ gốc còn lại cho Ngân hàng là 499.000.000 đồng.

Về lãi: Trong trường hợp ông T, bà V thanh toán trả toàn bộ số nợ gốc trong thời hạn thỏa thuận nêu trên và có đơn xin miễn lãi thì Ngân hàng sẽ xem xét việc miễn giảm lãi cho ông T, bà V theo quy định.

- Đối với hợp đồng tín dụng hạn mức số 5759/16/TD-TT/XVI.1 ngày 14/12/2016 các đương sự thỏa thuận, thống nhất: Trong thời hạn 09 (*chín*) tháng kể từ ngày 02/9/2019, ông T và bà V có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc là 1.440.239.231 đồng cho Ngân hàng theo từng giai đoạn cụ thể như sau: Từ ngày 02/9/2019 đến ngày 02/12/2019 trả 150.000.000 đồng; từ ngày 03/12/2019 đến ngày 03/02/2020 trả 150.000.000 đồng; từ ngày 04/02/2020 đến ngày 04/04/2020 trả 200.000.000 đồng; từ ngày 05/04/2020 đến ngày 05/05/2020 trả nốt số nợ còn lại 940.239.231 đồng.

Về lãi: Trong trường hợp ông T, bà V thanh toán trả toàn bộ số nợ gốc trong thời hạn thỏa thuận nêu trên và có đơn xin miễn lãi thì Ngân hàng sẽ xem xét việc miễn giảm lãi cho ông T, bà V theo quy định.

2.4. Phương thức bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

Trường hợp ông T, bà V không thực hiện đúng việc thanh toán trả số nợ gốc của các hợp đồng tín dụng theo nội dung thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại các tài sản ông T và bà V đã thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi các khoản nợ đã vay.

Trong trường hợp đã xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không trả hết các khoản nợ vay thì ông T, bà V phải tiếp tục trả các khoản nợ cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

2.5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí thẩm định tại chỗ:

Về án phí: Các đương sự thỏa thuận, thống nhất ông Đinh Hữu T và bà Hoàng Thị V phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 40.351.621 đồng, làm tròn là 40.352.000 đồng (*bốn mươi triệu ba trăm năm hai nghìn đồng*).

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng Thương mại cổ phần A tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*), đã thanh toán đủ theo biên bản quyết toán chi phí định xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/7/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP. Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Thanh Sơn